

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 1650/BTTTT-VCL ngày 01 tháng 5 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thành phố trở thành một chỉnh thể thống nhất, hình thành trên cơ sở liên kết giữa mạng bưu chính, hạ tầng số, hạ tầng công nghiệp công nghệ thông tin, các nền tảng chuyển đổi số quốc gia và hệ thống đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tạo lập môi trường an toàn tin cậy cho phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của thành phố theo quy định;

b) Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trở thành hạ tầng cho chuyển đổi số thành phố, mở ra không gian phát triển mới cho kinh tế - xã hội, gắn kết sự phát triển trên không gian số với không gian phát triển vật lý truyền thống, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo để nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố;

c) Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố đồng bộ, công nghệ hiện đại theo định hướng chia sẻ, sử dụng chung, tích hợp quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia, kế thừa hợp lý hạ tầng thông tin và truyền thông đã được đầu tư phát triển, gắn kết chặt chẽ với các hạ tầng kinh tế - xã hội vật lý và tạo ra các thực thể số tương ứng trên không gian số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hạ tầng bưu chính: chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số; phát triển ngành bưu chính trở thành trung tâm bưu chính vùng, hình thành trung tâm logistics cho thương mại điện tử. Bưu chính chuyển

phát trở thành hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số, đảm bảo chuỗi cung ứng toàn vẹn, không đứt gãy trong mọi trường hợp khẩn cấp;

b) Hạ tầng số: phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng công nghệ hiện đại, hội tụ, băng thông rộng, tốc độ cao, tăng cường dùng chung hạ tầng, ngầm hóa mạng viễn thông; phát triển hạ tầng viễn thông thành phố trở thành Trung tâm kết nối viễn thông quan trọng của cả vùng; nhanh chóng đưa mạng thông tin di động 5G phủ sóng toàn thành phố; tiến tới phủ sóng 6G tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng và nâng cấp các tuyến truyền dẫn liên tỉnh, nội tỉnh đảm bảo nhu cầu phát triển các dịch vụ băng rộng và đô thị thông minh, kết nối Internet vạn vật (IOT). Hình thành ít nhất một Trung tâm dữ liệu đạt chuẩn Tier-3 kết nối các trung tâm dữ liệu vùng và toàn quốc theo công nghệ điện toán đám mây, đủ sức phục vụ cho vùng đồng bằng sông Cửu Long;

c) Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin: ưu tiên đầu tư phát triển các nền tảng số, chuyển đổi số đồng bộ trên cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách hành chính, xây dựng đô thị thông minh;

d) Hạ tầng an toàn thông tin mạng, an ninh mạng: tăng cường đảm bảo an toàn thông tin mạng cho Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, xem đây là điều kiện tiên quyết nhằm góp phần tăng cường niềm tin của người dân, tổ chức và doanh nghiệp; gắn kết, song hành với hoạt động chuyển đổi số trong toàn bộ quá trình thiết kế, thử nghiệm, đánh giá, vận hành và khai thác;

đ) Công nghiệp công nghệ thông tin: tập trung mọi nguồn lực để sớm hoàn thành và đưa Khu công nghệ thông tin tập trung Cần Thơ vào khai thác, xem đây là trung tâm ươm tạo, dẫn dắt, xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ thông tin lớn có công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, Internet vạn vật,... đầu tư vào khu, ứng dụng có hiệu quả những thành tựu đạt được vào mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội để hình thành nền công nghiệp công nghệ số của thành phố.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030

1. Mạng bưu chính

a) Mạng bưu chính công cộng

- Bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số, đặc biệt là của thương mại điện tử; doanh nghiệp bưu chính phát triển theo hướng thành doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới; thúc đẩy phát triển Chính quyền số, xã hội số;

- Hạ tầng mạng lưới: 100% số xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; 100% số điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ có kết nối Internet; bán kính phục vụ bình quân của mạng bưu chính công cộng tối đa 1,3 km/điểm phục vụ;

- Hạ tầng dữ liệu: 100% số doanh nghiệp bưu chính thực hiện báo cáo trực tuyến. Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp bưu chính. Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành bưu chính phục vụ cho việc điều hành phát triển lĩnh vực và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu;

- Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ bưu chính công ích của người dân: mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính công ích; trong đó, tập trung mở rộng phạm vi dịch vụ bưu chính phổ cập. 100% số điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

- Kêu gọi đầu tư và đưa vào vận hành Trung tâm bưu chính vùng (Hub) với quy mô 20 ha tại quận Bình Thủy; kết nối với mạng lưới Trung tâm Bưu chính khu vực, quốc gia; chú trọng thúc đẩy, định hướng chia sẻ hạ tầng bưu chính công cộng giữa các doanh nghiệp bưu chính. Trung tâm Bưu chính vùng có năng lực khai thác bình quân trên 5.000 tấn bưu gửi/ngày.

b) Mạng bưu chính KT1

- Ưu tiên phát triển mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1) đáp ứng yêu cầu, đảm bảo kịp thời an toàn tuyệt đối;

- Phát triển mạng bưu chính KT1 theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại hóa mạng bưu chính KT1, tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh, bảo vệ bí mật nhà nước phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Hạ tầng số

a) Hạ tầng viễn thông băng rộng

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn đẩy nhanh việc triển khai chương trình đảm bảo mục tiêu 90% hộ gia đình có một đường cáp quang. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ truyền dẫn quang tốc độ siêu cao, dung lượng lớn tại 100% các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội như trường học, bệnh viện... tại các đô thị, các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, các trường Đại học, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo có truy nhập Internet;

- Phấn đấu đến năm 2030, 90% hộ gia đình có một thiết bị thông minh; mỗi người dân trưởng thành có một máy điện thoại thông minh, cung cấp khả năng kết nối người dân với các dịch vụ số có yêu cầu mọi lúc, mọi nơi;

- Tranh thủ từ Chương trình Viễn thông công ích, kết hợp các nguồn lực khác của địa phương, kết hợp với doanh nghiệp viễn thông hoặc huy động các nguồn lực xã hội hoá để triển khai, phấn đấu mỗi hộ gia đình có đường truyền cáp quang và thiết bị thông minh;

- Mạng băng rộng cố định đáp ứng quy chuẩn quốc gia (QCVN) về chất lượng dịch vụ với mục tiêu phổ cập được tới tất cả các ấp, khu vực; bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu; với 90% người sử dụng có thể truy nhập Internet cố định, tốc độ trung bình 200 Mb/s; 100% các tổ chức kinh tế - xã hội như doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện, công sở tại khu vực thành thị có thể truy nhập Internet với tốc độ trung bình 01 Gb/s;

- 100% các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo có thể truy nhập Internet có tốc độ tối thiểu 1Gb/s;

- Phát triển hạ tầng mạng cáp viễn thông theo hướng ngầm hóa dùng chung hạ tầng ngầm và mạng cáp viễn thông đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

b) Hạ tầng mạng di động và băng rộng di động

- Phát triển mạng viễn thông băng rộng bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, vùng phủ rộng, hạ tầng IoT được tích hợp rộng rãi bảo đảm phát triển hài hòa, phục vụ tốt chuyên đổi số và quốc phòng - an ninh. Mạng băng rộng di động đáp ứng quy chuẩn quốc gia (QCVN) về chất lượng dịch vụ, với mục tiêu tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 40 Mb/s cho mạng 4G và 100 Mb/s cho mạng 5G;

- Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) độ trễ thấp sẵn sàng tại tất cả các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trường đại học, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo; 100% hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị có khả năng tích hợp cảm biến và ứng dụng IoT;

- Triển khai chuyển đổi hoàn toàn phương thức phát thanh, truyền hình ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông, các ứng dụng trên các thiết bị di động thông minh... nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của đông đảo khán thính giả trong nước, quốc tế;

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số đối với các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, môi trường, quản lý đô thị, an ninh trật tự,...

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch và lộ trình thực hiện đến năm 2030 cho việc xây dựng, củng cố, hoàn thiện, phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) của thành phố, trong đó lưu ý: các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp đảm bảo có lộ trình hoàn thành kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố theo đúng thời hạn; các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp ưu tiên tích hợp phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) khi xây dựng quy hoạch, lập kế hoạch về đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng dùng chung của địa phương, đảm bảo phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành, quản lý, giám sát tại địa phương.

c) Phát triển mạng 5G

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số, 100% diện tích trên địa bàn, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo;

- Ưu tiên phát triển trạm thông tin di động, ăng ten thu, phát sóng tại các khu đô thị, khu dân cư, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các điểm du lịch. Tăng cường dùng chung hạ tầng giữa các doanh nghiệp viễn thông, phát triển trạm đi đôi với cải tạo, nâng cấp, sử dụng các trạm thân thiện môi trường, mỹ quan đô thị;

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn đầu tư triển khai 5G, phát triển các ứng dụng 5G (use cases) phục vụ các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội.

d) Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây

- Hạ tầng trung tâm dữ liệu

+ Hình thành trung tâm dữ liệu vùng tại Cần Thơ, bám sát quy hoạch vùng năng lượng, trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn xanh theo các tiêu chuẩn quốc tế, trong đó chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE) của trung tâm dữ liệu được đầu tư xây dựng mới không vượt quá 1,4. Bảo đảm các trung tâm dữ liệu được kết nối đồng bộ, dữ liệu liên thông và có khả năng dự phòng lẫn nhau, thúc đẩy phát triển công nghiệp dữ liệu lớn; nâng cao hiệu suất và khai thác hiệu quả các trung tâm dữ liệu hiện có;

+ Phát triển Trung tâm dữ liệu thành phố có khả năng lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao, bảo đảm khả năng kết nối đồng bộ, dữ liệu liên thông với Trung tâm dữ liệu vùng và Trung tâm dữ liệu quốc gia, có khả năng sao lưu dữ liệu dự phòng. Dữ liệu phát sinh trong các cơ quan nhà nước tại thành phố Cần Thơ phải được lưu trữ tại thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân của người sử dụng. Đồng thời, chia sẻ với các Trung tâm dữ liệu khác theo quy định pháp luật;

+ Phát triển mạng lưới trung tâm dữ liệu trên cơ sở hài hòa với quy hoạch năng lượng, tận dụng lợi thế vùng về hạ tầng kết nối, hạ tầng giao thông, nguồn nhân lực, căn cứ vào nhu cầu phát triển và có tính đến các yếu tố về quốc phòng, an ninh.

- Hạ tầng điện toán đám mây

+ Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; hạ tầng điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu thành phố phục vụ chuyển đổi số cho cơ quan nhà nước thành phố. 100% cơ quan Nhà nước trên địa bàn thành phố dùng hệ sinh thái điện toán đám mây phục vụ Chính phủ số; 70% doanh nghiệp trên địa bàn thành phố sử dụng dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp;

+ Xây dựng và làm chủ công nghệ điện toán đám mây, đa dạng mô hình triển khai và các loại hình dịch vụ cung cấp phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội. Ưu tiên, khuyến khích sử dụng điện toán đám mây do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ, phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu một cách linh hoạt, ổn định và hiệu quả, tuân thủ chặt chẽ quy định về an toàn thông tin mạng;

+ Chuyển đổi giao thức Internet của toàn bộ các hệ thống ứng dụng CNTT thành phố từ phiên bản IPv4 sang giao thức phiên bản IPv6. Triển khai Chương trình nhận diện thương hiệu sử dụng tên miền “.VN” và các dịch vụ số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể trên toàn địa bàn thành phố;

+ Duy trì việc kết nối nền tảng điện toán đám mây của địa phương với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đồng thời kết nối với đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số để đảm bảo việc lưu trữ, liên thông chia sẻ dữ liệu sử dụng chung của các bộ, ngành, địa phương.

đ) Mạng viễn thông dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

- Mạng Truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD)

+ 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước từ thành phố đến cấp xã được kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

+ Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng trở thành hạ tầng truyền dẫn căn bản thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã, kết nối các thành phần của Chính phủ điện tử, Chính phủ số;

+ Thực hiện tốt trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương. Ban hành hoặc cập nhật Quy chế về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin mạng và kế hoạch đưa các ứng dụng, dịch vụ dùng chung của địa phương trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

+ Bảo đảm kinh phí từ ngân sách địa phương cho hoạt động và sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương;

+ Ưu tiên bố trí mặt bằng triển khai các trung tâm dữ liệu dự phòng có diện tích tối thiểu 0,2 ha phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất tại địa phương và các quy định hiện hành.

- Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Cục Bưu điện Trung ương thực hiện công tác quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động của Mạng điện báo trên địa bàn quản lý. Văn phòng Thành ủy đảm bảo hoạt động của Mạng điện báo Hệ đặc biệt tại địa phương.

- Mạng điện thoại Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

+ Mạng thông tin thoại phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước: nâng cấp, hiện đại hóa mạng thông tin thoại cố định mặt đất và thiết lập mạng di động mặt đất; triển khai phân hệ dùng riêng và các giải pháp bảo mật cơ yếu, bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 5 phục vụ liên lạc cơ mật, khẩn cấp của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đối tượng theo yêu cầu;

+ Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Cục Bưu điện Trung ương thực hiện công tác quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động của Mạng trên địa bàn quản lý.

3. Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin

a) Thu thập, củng cố và hoàn thiện dữ liệu chủ, cơ sở dữ liệu dùng chung trong cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ ứng dụng dịch vụ Chính quyền số trong cơ quan nhà nước của địa phương

- Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, cập nhật Danh mục dữ liệu chủ - dữ liệu dùng chung của địa phương;

- Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp chủ động rà soát, cập nhật, hoàn thiện dữ liệu chủ, các cơ sở dữ liệu dùng chung theo đúng Danh mục dữ liệu

chủ - dữ liệu dùng chung do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành. Đồng thời, đảm bảo kết nối an toàn, ổn định với cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo từng bộ ngành chủ quản;

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu, trình UBND thành phố ban hành quy chế khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu dùng chung của địa phương. Quy chế này đảm bảo hai yếu tố: các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp khi tham gia phải có nghĩa vụ cập nhật thường xuyên dữ liệu theo danh mục vào cơ sở dữ liệu dùng chung của địa phương; cơ sở dữ liệu dùng chung phải được sử dụng đúng mục đích phục vụ ứng dụng dịch vụ Chính quyền số trong cơ quan nhà nước của địa phương;

- Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại địa phương kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia;

- Xây dựng, cung cấp các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp thành phố để lưu trữ tập trung, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của địa phương phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội;

- Bảo đảm các trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ Đề án 06, chuyển đổi số được mua sắm, bố trí đáp ứng nhu cầu công tác của cán bộ công chức, viên chức.

b) Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tại địa phương kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia

- Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối rà soát, theo dõi, kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của địa phương đảm bảo yêu cầu kết nối liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 677/BTTTT-THH ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia;

- 100% sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, xã, phường, thị trấn được trang bị đầy đủ thiết bị CNTT (máy quét mã QR, máy scan, máy in...) phục vụ Đề án 06, chuyển đổi số;

- 100% cán bộ, công chức Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, xã, phường, thị trấn được trang bị máy tính có cấu hình đáp ứng nhu cầu xử lý công việc.

c) Xây dựng, cung cấp các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp thành phố để lưu trữ tập trung, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của địa phương phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế xã hội.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì đề xuất tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh mục các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên cơ sở các nguyên tắc:

+ Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp thành phố lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn thành phố bao gồm dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn: Từ đó, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, trước hết là phục vụ kết

nói liên thông, chia sẻ dữ liệu để phát triển Chính phủ số. Sau đó là để xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số;

+ Việc triển khai Nền tảng số gắn liền với công tác quản lý, thu thập, tổng hợp và chia sẻ dữ liệu; gắn với hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước; gắn với việc giải quyết các bài toán kinh tế - xã hội thực tiễn tại địa phương;

+ Xác định rõ mục tiêu và yêu cầu cụ thể cho mỗi nền tảng, bao gồm việc xác định trước các bài toán kinh tế - xã hội thực tiễn tại địa phương cần giải quyết thông qua tổng hợp, phân tích dữ liệu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và nhận diện các nguồn dữ liệu quan trọng mà địa phương có thể thu thập, bao gồm dữ liệu nội bộ và dữ liệu từ bên ngoài; xác định các nguồn dữ liệu còn chưa được tổ chức, lưu trữ để từng bước tạo tập, quản lý và hình thành nguồn dữ liệu mới.

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố phương án xây dựng hình thành, hoặc nâng cấp, củng cố hoàn thiện kho dữ liệu dùng chung phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và ban hành kế hoạch xây dựng, phát triển kho dữ liệu dùng chung và lộ trình cung cấp các nền tảng số tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp thành phố phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đáp ứng yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật của Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2463/QĐ-BTTTT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển theo hướng làm trước, làm tốt, làm tập trung các nền tảng số có tính chất hạ tầng quy mô toàn thành phố phục vụ nhiều ứng dụng, dịch vụ, đóng vai trò là nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số;

- Phát triển các nền tảng số nhằm đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số diễn ra một cách tự nhiên, khai mở giá trị mới, mang lại lợi ích rõ ràng cho xã hội. Các nền tảng số được tích hợp sẵn các chức năng về bảo đảm an toàn thông tin mạng ngay từ khi thiết kế, xây dựng;

- Ưu tiên sử dụng công nghệ số, nền tảng số trong ứng phó với các tình huống khẩn cấp như sức khỏe cộng đồng, thiên tai, tai nạn, thảm họa và an sinh xã hội, nâng cao toàn diện khả năng cảnh báo sớm và ứng phó khẩn cấp; phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế, ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết, các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các lĩnh vực như: tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, nông nghiệp, quản lý trật tự xã hội, trật tự xây dựng... và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

4. An toàn thông tin mạng

a) Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ là tinh thần cốt lõi của Luật An toàn thông tin mạng và hành lang pháp lý về an toàn thông tin mạng. Đồng thời, là đặc điểm, đặc trưng riêng của Việt Nam trong công tác bảo đảm an

toàn thông tin mạng nhằm tập trung nguồn lực, giải pháp để bảo đảm an toàn theo mức độ quan trọng của thông tin, hệ thống thông tin trong bối cảnh nguồn lực dành cho an toàn thông tin còn nhiều khó khăn, hạn chế;

b) Tập trung rà soát, hoàn thành việc phân loại, xác định và phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn đối với 100% hệ thống thông tin từ cấp độ 1 đến cấp độ 5 (nếu có) và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt. Định kì hằng năm tổ chức Đoàn kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định trong công tác bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

c) Đối với các hệ thống thông tin đầu tư mới hoặc mở rộng, nâng cấp, khuyến nghị xây dựng và phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ trước khi phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc hồ sơ tương đương) và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin đã được phê duyệt tại Hồ sơ đề xuất cấp độ trước khi đưa vào vận hành, khai thác;

d) 100% cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp” (Lực lượng tại chỗ; Tổ chức hoặc doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Tổ chức hoặc doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam; 100% thiết bị đầu cuối trong các cơ quan nhà nước được cài đặt giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng;

đ) Tổ chức triển khai tuyên truyền nâng cao nhận thức, phổ biến kỹ năng an toàn thông tin cho 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan cũng như người dân trên địa bàn do cơ quan quản lý. Tận dụng tối đa tất cả các kênh tuyên truyền như: sự kiện, mạng xã hội, website, hệ thống thư điện tử, tin nhắn SMS, các ứng dụng thông minh, các hệ thống thông tin cơ sở ... Phối hợp với Cục ATTT, VNCERT hoặc các doanh nghiệp an toàn thông tin mạng trong việc duy trì công tác tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn tập về ATTT mạng hằng năm;

e) Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn thành phố và quốc gia nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin; tích cực tham gia các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ TTTT phát động; tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ TTTT điều phối. Mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tối thiểu 01 đơn vị chuyên nghiệp bảo vệ an toàn thông tin mạng, mỗi người dân có tối thiểu 01 công cụ bảo vệ an toàn thông tin mạng.

5. Công nghiệp công nghệ thông tin

a) Phát triển thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm công nghiệp dữ liệu của khu vực, làm trung tâm phát triển công nghiệp công nghệ thông tin của vùng, nơi tập trung các dịch vụ và công nghiệp công nghệ thông tin đa dạng, chất lượng cao tập trung cho các lĩnh vực chuyển đổi số có thế mạnh và đột phá như: y tế, giáo dục - đào tạo, nông nghiệp, khoa học - công nghệ, logistic,... đảm bảo phát triển bền vững, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu của vùng;

b) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và kêu gọi đầu tư vào Khu Công nghệ thông tin tập trung Cần Thơ, chú trọng ưu tiên đối với các ngành có yêu cầu công nghệ cao như AI, Big Data, Công nghệ bán dẫn, công nghệ xanh,...

III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm:

1. Tăng cường thông minh dựa trên dữ liệu và các công nghệ mới.
2. Xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.
3. Bao phủ, kết nối đa tầng không gian (mặt nước, lòng nước, mặt đất, lòng đất, vùng trời) và đa chiều giữa các tầng.
4. Hợp nhất an toàn toàn bộ thể giới vật lý với thể giới số nhằm thích ứng trước mọi biến động phức tạp, khẩn cấp; mở rộng không gian hoạt động; đáp ứng phát triển bền vững mọi mặt đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, quốc phòng.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để khuyến khích đổi mới, sáng tạo, huy động đa dạng nguồn lực phát triển hạ tầng, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng;

b) Rà soát các quy hoạch, dự án trên địa bàn địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Cập nhật nội dung Quy hoạch thành phố bảo đảm tuân thủ các định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông tại địa phương theo quy hoạch ngành quốc gia;

c) Hoàn thiện chính sách thúc đẩy, bảo đảm ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông;

d) Tổ chức xây dựng quy chế để bảo đảm khả năng triển khai hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ với hạ tầng ngành khác (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng...) theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, sử dụng chung;

đ) Tập trung xử lý, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, nhất là về cơ chế, chính sách ưu đãi, thủ tục pháp lý để tăng cường thu hút, đầu tư, xây dựng, triển khai các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn.

2. Khoa học và công nghệ, môi trường

Xây dựng hạ tầng số và kết nối băng rộng đến mọi người dân và doanh nghiệp; phát triển các nền tảng số thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cung cấp công nghệ dịch vụ như: các nền tảng số trí tuệ nhân tạo, IoT, phân tích dữ liệu, thanh toán số... để hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

3. Phát triển nguồn nhân lực

a) Thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ;

b) Xây dựng, ban hành mới hoặc lồng ghép, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông của địa phương, nâng cao trình độ chuyên môn và kiến thức cho đội ngũ tham gia quản lý và phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông;

c) Liên kết với các trường, trung tâm nghiên cứu, đối tác để đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông tại địa phương. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp về phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

4. Phát triển thị trường, dịch vụ

Tạo lập và quản lý tốt thị trường nhằm bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp có hạ tầng và không có hạ tầng, tạo động lực để doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông.

5. Huy động vốn đầu tư

a) Huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông. Tái cơ cấu đầu tư công theo hướng tập trung cho đầu tư hạ tầng thông tin và truyền thông. Phân bổ nguồn vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các công trình động lực, có tính lan tỏa, kết nối giữa các phương thức, có tính đến cân đối giữa các địa bàn quận, huyện;

b) Huy động nguồn lực xã hội trong việc xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông theo hướng các doanh nghiệp cùng đầu tư, sử dụng chung hạ tầng, đặc biệt là phát triển các nền tảng buro chính số quốc gia, hạ tầng băng rộng, trung tâm dữ liệu; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động sử dụng chung như: cột ăng ten; cột treo, cáp; cống, bể, cáp... Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách về vốn, đầu tư, giải pháp công nghệ, mô hình kinh doanh phù hợp để thu hút đầu tư hạ tầng số, hạ tầng buro chính. Ngoài doanh nghiệp buro chính do Nhà nước chỉ định, huy động các doanh nghiệp có tiềm lực trên thị trường, các doanh nghiệp hiện đang tham gia vào phân khúc giao hàng chặng cuối;

c) Chủ động huy động nguồn vốn hợp pháp, bố trí ngân sách địa phương để xây dựng, triển khai các đề án/dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thuộc địa phương quản lý;

d) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông:

- Giai đoạn 2021 - 2025: xây dựng, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn để đề xuất dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông;

- Giai đoạn 2026 - 2030: xây dựng, triển khai, đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn dự án đầu tư phù hợp với yêu cầu phát triển, định hướng tại Quyết định số 36/QĐ-TTg.

đ) Kêu gọi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng thông tin và truyền thông sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công;

e) Trong quá trình xây dựng và triển khai các dự án theo Quy hoạch, lưu ý tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, bao gồm nội dung đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch. Việc đánh giá sự phù hợp của Danh mục các dự án với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thuộc trách nhiệm của đơn vị chuyên môn, kỹ thuật của cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.

6. Truyền thông, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về năng lực Nhà nước quản lý, thực thi pháp luật phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

a) Tăng cường thực hiện, lồng ghép với các chương trình khác tại địa phương để triển khai các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông tại địa phương. Xây dựng tài liệu, tin bài, bài nghiên cứu, chuyên mục, video clip, Infographic, hợp báo, chiến dịch truyền thông, quảng bá trên các kênh phương tiện đại chúng; lồng ghép với các chương trình truyền thông trên địa bàn;

b) Tổ chức hội thảo, hội nghị về hạ tầng thông tin và truyền thông, kết hợp với cơ quan báo chí, tuyên truyền, phổ biến và khích lệ tinh thần, động lực của xã hội, của doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông từ đó thay đổi căn bản được thói quen của người dân khi sống trong môi trường xã hội số mới.

Xúc tiến đầu tư, kêu gọi các đối tác, các doanh nghiệp công nghệ, nhà đầu tư tham gia tại các diễn đàn đầu tư về phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông. Khuyến khích các thành viên tham gia chia sẻ câu chuyện thành công và bài học kinh nghiệm từ các dự án. Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện truyền thông để quảng bá về hoạt động, dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

7. Hợp tác quốc tế

Hợp tác quốc tế để bắt kịp các xu thế phát triển trên thế giới, kinh nghiệm quản lý, phát triển trong lĩnh vực hạ tầng thông tin và truyền thông trên thế giới.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện một số chương trình, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc từ nguồn đóng góp, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài thành phố và các nguồn hợp pháp khác.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các Sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện và tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Tổ chức việc thực hiện Kế hoạch này. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hằng năm về Ủy ban nhân dân thành phố. Đề xuất điều chỉnh (nếu có);

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố trong quá trình xây dựng quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất phù hợp phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông;

c) Tham mưu thể chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số; tăng cường sử dụng chung hạ tầng viễn thông, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng của ngành khác;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch và lộ trình thực hiện đến năm 2030 cho việc xây dựng, củng cố, hoàn thiện, phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) của thành phố;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, doanh nghiệp viễn thông khi xây dựng hạ tầng số, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động triển khai, ưu tiên ứng dụng công nghệ số, hạ tầng thông tin và truyền thông, an toàn thông tin mạng... để nâng cao chất lượng lập, triển khai, quản lý các dự án, cũng như hoạt động lĩnh vực có liên quan.

2. Sở Tài chính

Tùy vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan thẩm định nhu cầu kinh phí và tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này khi được phê duyệt. Đồng thời, hướng dẫn các đơn vị sử dụng ngân sách và thanh quyết toán kinh phí đúng theo quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này. Tham mưu các giải pháp thu hút đầu tư, trong đó có các dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố.

4. Sở Giao thông vận tải

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động sao cho phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn thành phố.

5. Sở Xây dựng

Hỗ trợ phát triển, tích hợp các thành phần của hạ tầng thông tin và truyền thông trong các công trình xây dựng dân dụng. Tạo điều kiện trong việc cấp giấy phép xây dựng công trình xây dựng thuộc hạ tầng số.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, thực hiện và giải quyết vấn đề về sử dụng đất xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai kế hoạch.

7. Công an thành phố

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý kịp thời các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật liên quan hoạt động xây dựng, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

8. Các sở, ban, ngành thành phố

Theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp, hỗ trợ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, sử dụng chung hạ tầng viễn thông với hạ tầng kỹ thuật liên ngành. Xây dựng hoặc lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trong kế hoạch hoạt động giai đoạn và hàng năm, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch này.

Hỗ trợ bảo vệ hạ tầng số, xử lý vụ việc phá hoại hạ tầng số, cản trở xây dựng các công trình viễn thông trên địa bàn.

Phối hợp, hỗ trợ giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) liên quan đến lĩnh vực của đơn vị mình quản lý.

9. Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên cập nhật nội dung quy hoạch địa phương bảo đảm tuân thủ các định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông địa phương theo kế hoạch này;

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp triển khai nhiệm vụ phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố;

c) Hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; bố trí không gian, địa điểm để lắp đặt thiết bị, nhà trạm, công trình viễn thông; hỗ trợ, thúc đẩy sử dụng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; nâng cao chất lượng dịch vụ trên địa bàn quản lý.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã

Phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; nâng cao chất lượng dịch vụ trên địa bàn quản lý.

11. Các doanh nghiệp trong ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy hoạch phát triển của mình phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố;

b) Đầu tư, nâng cấp và mở rộng hạ tầng thông tin và truyền thông để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số tại địa phương;

c) Phối hợp thực hiện nội dung có liên quan Kế hoạch này. Tuân thủ hướng dẫn, yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, chính quyền địa phương trong hoạt động phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông;

d) Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan, doanh nghiệp viễn thông khác đàm phán cùng đầu tư xây dựng, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật;

đ) Báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất, gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

12. Các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn thành phố

Thực hiện tốt, nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội, hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, chung tay xây dựng cùng các cấp chính quyền phát triển hạ tầng số; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của thành phố.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết. / *gwl*

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- TT.TU, TT.HĐND thành phố (báo cáo);
- CT, các PCT UBND TP;
- UB MTTQ VN và các Đoàn thể TP;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- Các doanh nghiệp ngành TTTT trên địa bàn thành phố;
- Đài PTTH TPCT, Báo Cần Thơ;
- VP UBND TP (2, 3C, 7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, NNH.

H

TM. UBND THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Tấn Hiển